

**ĐẠI HỌC HUẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC**

**HỒ TIÊU NGỌC**

**THƠ NỮ VIỆT NAM 1986-2015**  
**NHÌN TỪ LÝ THUYẾT GIỚI**

**Chuyên ngành: Văn học Việt Nam**

**Mã số: 9 22 01 21**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGÔN NGỮ,**  
**VĂN HỌC VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM**

**Huế, 2020**

**Công trình được hoàn thành tại:**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC, ĐẠI HỌC HUẾ**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. ĐỖ LAI THỨ**

**Phản biện 1: PGS.TS Lý Hoài Thu**

Trường Đại học KHXH & NV, Đại học QG Hà Nội

**Phản biện 2: PGS.TS Nguyễn Thành**

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

**Phản biện 3: TS Bùi Bích Hạnh**

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Đại học Huế

Họp tại .....

.....

Vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

Có thể tìm hiểu luận án tại:

Thư viện Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

## MỞ ĐẦU

### 1. Lí do chọn đề tài

Nền văn học hiện đại Việt Nam xuất hiện ngày càng nhiều những nhà thơ nữ tài năng. Sáng tác của họ đạt những thành tựu đáng kể và xác lập vị thế quan trọng trong nền thơ chung của dân tộc. Trong thơ, các nhà thơ nữ lấy chính đời sống của mình hoặc nhập vai vào đời sống của giới mình để thể hiện chúng một cách sinh động, chân thành, xem đó như là nhu cầu của “cái Khác”, thành nội dung trữ tình mang bản sắc giới giàu tính nhân sinh và triết lý.

Đã có nhiều công trình chung và riêng nghiên cứu về thơ nữ một cách hiệu quả từ nhiều hướng tiếp cận, nhiều phương pháp nghiên cứu hiện đại khác nhau. Tuy nhiên, đến nay vẫn còn thiếu những chuyên luận về thơ nữ được nhìn từ bản thân giới nữ.

Bởi vậy, trên cơ sở những thành tựu đa dạng của các công trình đi trước, chúng tôi chọn *Thơ nữ Việt Nam 1986-2015 nhìn từ lý thuyết giới* làm đề tài và lĩnh vực nghiên cứu cho Luận án của mình.

### 2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

#### 2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là những tác phẩm thơ của các nhà thơ nữ Việt Nam tiêu biểu giai đoạn 1986-2015 thể hiện nội dung phái tính và âm hưởng nữ quyền đậm đặc nhất, tiêu biểu cho nhu cầu và ý thức thể hiện bản chất nữ và bản thể nữ của chính các nhà thơ nói riêng và cho giới nữ nói chung.

#### 2.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của luận án là tìm hiểu nội dung lý thuyết giới, lý thuyết nữ quyền và phê bình văn học nữ quyền; từ đó, soi rọi chúng vào thơ nữ Việt Nam giai đoạn 1986-2015 để giải mã những nội dung trữ tình và diễn ngôn trữ tình thể hiện phái tính và âm hưởng nữ quyền một cách sáng tạo, mới mẻ.

### 3. Mục đích nghiên cứu

- Lý giải những cơ sở lịch sử, xã hội và văn hóa của ý thức giới/ phái tính và âm hưởng nữ quyền trong thơ nữ Việt Nam 1986-2015; từ đó, chỉ ra ý thức giới/ phái tính và âm hưởng nữ quyền chính là một bước tiến/ hệ quả của tiến trình dân chủ hóa, bình đẳng hóa của xã hội và văn học mà các nhà thơ nữ đã ý thức và thể hiện một cách hiệu quả qua lối viết nữ giàu giá trị nhân văn và thẩm mỹ.

- Nghiên cứu thực tiễn sáng tác của các nhà thơ nữ Việt Nam tiêu biểu giai đoạn 1986-2015 để chỉ ra những đặc điểm nổi bật

mang yếu tố giới/phái tính và âm hưởng nữ quyền ở hai bình diện nổi trội thuộc nội dung và diễn ngôn của tác phẩm. Qua đó, thấy được đóng góp riêng, vị thế riêng của thơ nữ vào nền thơ hiện đại Việt Nam từ góc nhìn giới và lối viết nữ.

#### **4. Hướng tiếp cận và Phương pháp nghiên cứu**

##### **4.1. Hướng tiếp cận**

Đề tài tiếp cận theo hướng vận dụng *Lý thuyết giới* và *Lý thuyết nữ quyền* để nghiên cứu bản chất và đặc trưng thơ nữ Việt Nam 1986-2015 ở những chủ đề và bình diện giới nổi bật, đặt trong các quan hệ bản chất và quan hệ tương tác nhằm chỉ ra nội dung giới trong thơ nữ một cách đa dạng và giàu biên ảo, thể hiện tiếng nói nữ quyền một cách nồng nhiệt và mạnh mẽ.

##### **4.2. Phương pháp nghiên cứu**

Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau đây:

*Phương pháp liên ngành; Phương pháp phê bình văn học nữ quyền và nữ quyền sinh thái; Phương pháp cấu trúc, hệ thống; Phương pháp so sánh, đối chiếu...*

#### **5. Đóng góp của luận án**

- Lý giải những cơ sở lịch sử, xã hội và văn hóa của ý thức giới và âm hưởng nữ quyền trong thơ nữ Việt Nam 1986-2015.

- Phân tích những đặc điểm nổi bật mang yếu tố giới và âm hưởng nữ quyền ở hai bình diện nội dung và diễn ngôn của tác phẩm. Luận án luận giải chủ đề giới và nội dung giới trong mối quan hệ bản chất và tương tác chủ yếu để chỉ ra hiệu quả thơ và thi pháp thơ.

#### **6. Cấu trúc của luận án**

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, Nội dung của luận án được triển khai trong 4 chương:

**Chương 1.** Tổng quan tình hình nghiên cứu

**Chương 2.** Lý thuyết giới và sự thể hiện ý thức giới trong văn học Việt Nam 1986-2015

**Chương 3.** Thơ nữ Việt Nam 1986-2015 nhìn từ chủ đề giới với các hướng tiếp cận bản chất

**Chương 4.** Thơ nữ Việt Nam 1986-2015 nhìn từ nội dung giới với các quan hệ tương tác

## NỘI DUNG

### Chương 1.

## TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

### 1.1. Tình hình tiếp nhận và nghiên cứu, ứng dụng lý thuyết giới ở Việt Nam

#### 1.1.1. Tình hình tiếp nhận lý thuyết giới

Mở đầu là công trình *Giới thứ hai* của S. de Beauvoir được dịch sang Việt ngữ năm 1996. Nội dung chính của công trình là chỉ ra sự áp bức đặt lên người phụ nữ và vạch ra những yêu cầu cấp thiết về việc giải phóng phụ nữ với sự phân tích sâu sắc và tinh tế, báo hiệu cho sự hình thành phong trào phê bình nữ quyền về sau... Trong ba chương đầu của tác phẩm *Giới thứ hai*, S.de Beauvoir lý giải ba hướng tiếp cận hiện đại về phụ nữ từ: sinh học, phân tâm học Freud và chủ nghĩa duy vật lịch sử của Marx - Engels.

Nguyễn Hưng Quốc trong công trình *Mấy vấn đề phê bình và lý thuyết văn học* cũng đã đề cập phê bình nữ quyền với tiêu đề *Nữ quyền luận* (2007). Ông đề cao hai nhà nữ quyền V.Woolf và đặc biệt là S. de Beauvoir khi bà “phê phán gay gắt là nền văn hóa phụ hệ đã đẩy phụ nữ ra vị trí ngoài lề của xã hội cũng như của văn học nghệ thuật”.

Hồ Khánh Vân với tiểu luận “*Từ quan niệm về lối viết nữ (L’écriture féminine) đến việc xác lập phương pháp nghiên cứu trong phê bình nữ quyền*” đã xác định những quan niệm về lối viết nữ dựa trên lý thuyết nữ quyền của Hélène Cixous. Cùng bàn về tư tưởng của H.Cixous, Nguyễn Việt Phương có bài “*Giới và ngôn ngữ trong tư tưởng của Hélène Cixous*” nghiên cứu chuyên biệt những kiến giải của Cixous về mối quan hệ giữa giới và ngôn ngữ từ góc nhìn nữ quyền. Cũng Nguyễn Việt Phương với bài “*Nhận diện chủ nghĩa nữ quyền Pháp thế kỷ XX qua một số đại diện tiêu biểu của nó*” đề cập đến các làn sóng nữ quyền Pháp từ làn sóng thứ nhất đến làn sóng thứ ba, qua đó, chỉ ra những đóng góp quan trọng của các đại diện tiêu biểu như Beauvoir, Kristeva, Inigaray, Cixous. Lê Thị Quý với bài viết “*Simone de Beauvoir - nữ quyền không chỉ là phong trào mà là một khoa học*” đã lý giải hành trình tư tưởng và lý thuyết nữ quyền của Beauvoir đi từ chủ nghĩa hiện sinh của J.P Sartre và sáng tạo thành những tư tưởng của riêng mình trong *Giới thứ hai*...

Công trình *Văn học và giới nữ (Một số vấn đề lý luận và lịch sử)* do Phùng Gia Thế và Trần Thiện Khanh chủ biên, nhà xuất bản

Thế giới ấn hành đã cung cấp một cái nhìn tương đối toàn diện về giới và văn học giới.

Qua các công trình trên, những vấn đề thuộc về tư tưởng nữ quyền, về lý thuyết giới, lý thuyết phê bình nữ quyền được tỏ lộ.

### **1.1.2. Tình hình nghiên cứu, ứng dụng lý thuyết giới**

Các nhà lý luận và nghiên cứu thống nhất chia ra 3 giai đoạn nghiên cứu giới tính và nữ quyền trong lý luận phê bình văn học Việt Nam: Giai đoạn thứ nhất là từ những năm đầu thế kỷ XX đến năm 1998; giai đoạn thứ hai là từ năm 1999 đến năm 2005; giai đoạn thứ ba là từ năm 2006 đến nay.

*Giai đoạn thứ nhất*, thuộc về sự ý thức của các nhà thơ, nhà văn và nhà báo tiên phong: Đạm Phương, Trần Thị Như Mân, thứ đến là Hằng Phương, Sương Nguyệt Anh, Phan Thị Bạch Vân.

*Giai đoạn thứ hai* bùng nổ từ giữa năm 1999 đến 2005 với nhiều chuyên đề về văn học liên quan đến phái tính có sức lan tỏa trên văn đàn. Những nghiên cứu sâu về thuyết phụ nữ và lý thuyết văn học nữ quyền như: “*Lý luận phụ nữ: Từ Simone de Beauvoir đến Judith Butler*” của Đặng Phùng Quân, *Nữ quyền luận, Nữ quyền luận và đồng tính luận* của Nguyễn Hưng Quốc...

*Giai đoạn thứ ba* bắt đầu từ mốc năm 2006 trở về sau. Các nhà nghiên cứu thống nhất nội dung của 3 ba khuynh hướng chính như sau: khuynh hướng thứ nhất nghiên cứu văn học nữ thiên về *dục tính/sex*; khuynh hướng thứ hai nghiên cứu văn học nữ thiên về *nữ tính/thiên tính nữ*; khuynh hướng thứ ba nghiên cứu văn học nữ trên bình diện *văn học nữ quyền/ lối viết nữ*.

Phương Lựu có công trình *Lý thuyết văn học hậu hiện đại*, Nguyễn Thành với bài “*Phê bình phân tâm học ở Việt Nam nhìn từ phương diện thực hành*”...

Ở Việt Nam, ngày càng có nhiều người nghiên cứu về giới tính/ phái tính và nữ quyền ở các lĩnh vực khác nhau. Riêng ở lĩnh vực văn học, có Đỗ Lai Thúy, Lại Nguyên Ân, Nguyễn Thị Thanh Xuân, Đặng Anh Đào, Phạm Xuân Nguyên, Vương Trí Nhàn, Đặng Minh Châu, Đoàn Ánh Dương, Hồ Khánh Vân, Nguyễn Việt Phương, Lê Thị Hường, Trần Huyền Sâm...

### **1.2. Tình hình nghiên cứu thơ nữ Việt Nam 1986-2015 từ lý thuyết giới**

### **1.2.1. Những công trình nghiên cứu về thơ nữ nói chung**

Tiểu luận sớm nhất nghiên cứu thơ nữ từ sau 1975 là: “*Tư duy thơ nữ sau 1975*” của Hoàng Thùy Linh, “*Phái tính trong thơ nữ Việt Nam sau 1975*” của Nguyễn Ngọc Thùy Anh. Cả hai đều đồng nhất những nội hàm phái tính với “nữ tính”, “mẫu tính”, “cá tính”, “dục tính” để phóng chiếu nghiên cứu thơ nữ hiện đại Việt Nam.

Sau Đổi mới 1986, nghiên cứu thơ nữ từ nhiều hướng tiếp cận được các nhà phê bình quan tâm. Inrasara với: “*Thơ nữ trong hành trình cắt đuôi hậu tố nữ*”, Lưu Khánh Thơ với tiểu luận công phu: “*Ý thức nữ quyền trong thơ nữ đương đại*” đề cập tất cả những thành tựu của thơ nữ Việt Nam đương đại từ hình thức, nội dung, đội ngũ đến phong cách. Trần Hoàng Thiên Kim có bài viết: “*Thơ nữ trẻ đương đại - Quan niệm, thể nghiệm và xu hướng*”. Tác giả cho rằng thơ nữ Việt Nam có hai xu hướng: Xu hướng truyền thống và xu hướng hiện đại. Cũng Trần Hoàng Thiên Kim với bài viết “*Thơ nữ trẻ đương đại và hành trình tìm kiếm cái tôi mới*” đã có những nhận xét sâu sắc về cá tính và phong cách của các nhà thơ nữ trẻ đương đại.

Trong xu hướng nghiên cứu chung về thơ nữ hiện đại, có rất nhiều bài viết quan tâm đến ý thức phái tính và âm hưởng nữ quyền như Inrasara với “*Đổi mới thơ, khác biệt mang tính vùng miền*”, Vũ Quân Phương với “*Người nữ trong thơ hiện đại (từ 1920 đến nay)*”, Nguyễn Thị Chính với “*Dấu ấn phân tâm học trong thơ văn xuôi*”...

Ngoài ra, còn có các luận án nghiên cứu chuyên sâu về thơ nữ: *Ý thức nữ quyền trong thơ nữ Việt Nam giai đoạn từ 1986 đến nay (qua các trường hợp tiêu biểu)*, Luận án tiến sĩ Văn học, 2015 của Nguyễn Thị Hương; *Thơ nữ Việt Nam hiện đại (từ đầu thế kỷ XX đến nay)*, Luận án tiến sĩ Văn học, 2016 của Trần Thị Kim. Hai luận án này đã khái quát các chặng đường phát triển, thi pháp thơ của đội ngũ thơ nữ Việt Nam hiện đại, từ đó xác định vị trí và vai trò của thơ nữ trong tiến trình thơ Việt Nam hiện đại...

### **1.2.2. Những công trình nghiên cứu về từng nhà thơ nữ**

Thơ của các nhà thơ nữ ngày càng được các nhà phê bình nghiên cứu, từ góc nhìn giới tính/ phái tính, chỉ ra được những nét riêng trong thi pháp và phong cách của từng nhà thơ. Các nhà phê bình Bích Thu, Nguyễn Đăng Điệp, Hồ Thế Hà có các bài viết về thơ Đoàn Thị Lam Luyện, Dư Thị Hoàn, Lâm Thị Mỹ Dạ, Lê Khánh Mai, Vi Thùy Linh, Phan Huyền Thư... với những góc nhìn giới

mang đậm cá tính và phong cách của từng tác giả, tác phẩm.

Thái Doãn Hiều với bài viết “*Đoàn Thị Lam Luyện - người đơn phương phát động cuộc chiến tranh tình ái!*”, Vũ Nho với bài viết “*Đoàn Thị Lam Luyện - Người yêu đến nát cuộc đời thơ*”. Cả hai tác giả này cũng đều có nhận định gần giống nhau về thơ của Đoàn Thị Lam Luyện.

Bài viết “*Thiên tính nữ trong thi giới Xuân Quỳnh*” của Hồ Thế Hà nhận định và phân tích các dạng thái của cái tôi trữ tình gắn với thiên tính nữ trong thơ Xuân Quỳnh: *Cái tôi trữ tình khát khao yêu thương và dâng hiến; Cái tôi trữ tình khắc khoải, ám ảnh và đau thương; Cái tôi trữ tình chở che, bao dung và tự thú*. Đoàn Ánh Dương chú ý đến bước chuyển thi pháp trong thơ Ý Nhi qua tập thơ *Người đàn bà ngồi đan* với nhận định sâu sắc về bước chuyển thi pháp theo lối viết nữ. Viết về tập thơ *Lối nhỏ* của Dư Thị Hoàn, nhà phê bình Nguyễn Thanh Tâm có bài “*Bản sắc nữ tính hay là những lời nói dối to lớn*” đã khẳng định ý thức về giới tính của nhà thơ này.

Càng về sau Đổi mới (1986), những bài viết về thơ nữ của các nhà phê bình thường chú ý đến tác phẩm và thi pháp của các nhà thơ trẻ. Lưu Khánh Thơ có bài viết “*Ý thức nữ quyền trong thơ nữ đương đại*” đề cập nét riêng của thơ Phan Huyền Thư.

Về thơ của từng tác giả trẻ, các bài viết đều tập trung giới thiệu những gương mặt thơ nổi bật như Vi Thùy Linh, Phan Huyền Thư, Ly Hoàng Ly... Ngoài ra, còn có các luận văn, luận án nghiên cứu chuyên sâu của nhiều người theo khuynh hướng, diện mạo chung, hoặc theo hướng tiếp cận nữ quyền luận ở từng tác giả và tác phẩm thơ nữ.

Nhìn chung, tất cả các công trình trên đều gián tiếp hoặc trực tiếp nghiên cứu thơ nữ sau Đổi mới (1986) ở những khía cạnh nữ quyền, tình yêu, tính dục và thiên tính nữ vĩnh hằng với những nhận xét đa dạng, có tính thuyết phục.

### **1.3. Nhận xét tình hình nghiên cứu và hướng triển khai đề tài**

#### **1.3.1. Nhận xét tình hình nghiên cứu**

- *Về tình hình tiếp nhận lý thuyết giới và nghiên cứu lý thuyết giới ở Việt Nam*

1/ Các công trình dịch thuật lý thuyết giới và nữ quyền sang tiếng Việt ngày càng được các dịch giả quan tâm và liên tục ra mắt.

2/ Các nhà nghiên cứu văn học đúc kết thành những luận điểm, luận thuyết có hệ thống về giới, về phê bình văn học nữ quyền.



3/ Những khái niệm và phạm trù chuyên sâu về phê bình nữ quyền trong văn học, nhìn chung, chưa được cụ thể và khái quát.

- *Về tình hình vận dụng lý thuyết giới vào nghiên cứu thơ nữ Việt Nam*

1/ Việc tiếp nhận và nghiên cứu thơ nữ Việt Nam giai đoạn 1986 -2015 là khá phong phú và đa dạng từ nhiều góc tiếp cận khác nhau, trong đó, có hướng tiếp cận theo lý thuyết giới và phê bình văn học nữ quyền.

2/ Các nhà nghiên cứu, phê bình quan tâm đến tính chính thể hoặc tính riêng biệt của từng yếu tố thuộc hình thức hoặc nội dung bằng nhiều kiến thức và lý thuyết liên ngành để giải mã tác phẩm.

3/ Các công trình nghiên cứu thơ nữ từ 1986 đến nay từ góc nhìn phân tâm học, thiên tính nữ và từ góc nhìn lý thuyết giới và lý thuyết nữ quyền ngày càng gia tăng, nhưng chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu rộng ở dạng bao quát từng giai đoạn, từng thời kỳ của thơ nữ nói chung nhìn từ lý thuyết giới.

### **1.3.2. Hướng triển khai đề tài**

1/ Nắm bắt những kiến thức về lý thuyết giới và nữ quyền luận cũng như những nội dung của lý thuyết phê bình văn học nữ quyền nhằm nghiên cứu có hiệu quả thực tiễn thơ nữ Việt Nam 1986-2015.

2/ Cố gắng giải mã thơ nữ hiện đại Việt Nam từ những yếu tố địa - văn - hóa, những giao lưu thi pháp văn học hiện đại mà các nhà thơ ý thức học hỏi,...nhằm nghiên cứu các trạng thái tâm lý, tình cảm và cảm quan mỹ học theo giới tính riêng của từng nhà thơ nữ.

3/ Tập trung nghiên cứu thơ nữ Việt Nam 1986-2015 ở các nội dung và đặc điểm thể hiện giới tính/ phái tính thông qua những chủ đề giới, nội dung giới phổ biến. Từ đó, khẳng định sự đóng góp thành tựu mang tính đặc thù của *Thơ nữ Việt Nam 1986-2015 nhìn từ lý thuyết giới* vào thành tựu chung của thơ Việt hiện đại.

## **Chương 2.**

### **LÝ THUYẾT GIỚI VÀ SỰ THỂ HIỆN Ý THỨC GIỚI TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM 1986-2015**

#### **2.1. Giới thuyết về giới và nữ quyền**

##### **2.1.1. Quan niệm truyền thống về giới và nữ quyền**

Theo *Từ điển Tiếng Việt*, “Giới tính là những đặc điểm chung phân biệt nam với nữ, giống đực với giống cái”. Còn theo *Bách khoa toàn thư mở Wikipedia* chỉ ra đặc điểm giới tính (gender) từ hai bình

diện: sinh học và xã hội. Về sinh học, “giới tính là một quá trình kết hợp và pha trộn những đặc điểm di truyền học của sinh vật, thường dẫn đến kết quả là sự chuyên môn hóa thành *giống đực* và *giống cái* (các giới). Còn về mặt xã hội, *giới tính*, đôi khi còn gọi tắt là *giới* hoặc *phái tính*, là các đặc điểm liên quan đến sự khác biệt giữa *nam tính* và *nữ tính*. Tùy thuộc vào văn cảnh, những đặc điểm này có thể bao gồm *giới tính sinh học* (tức là giới tính nam, giới tính nữ hoặc lưỡng tính), các cơ cấu xã hội dựa trên giới tính (gồm vai trò giới và các vai trò xã hội khác). *Giới tính xã hội* của một người hình thành trong quá trình trưởng thành của người đó. Giới tính/ phái tính luôn được hiểu theo nghĩa rộng và hẹp. Giới tính hiểu theo *Nghĩa rộng* là sự kết hợp với ý thức về giới tính (để phân biệt nam và nữ, giống đực và giống cái); *Nghĩa hẹp* của nó là tính nữ và sự ý thức về tính nữ (trong tương quan đối sánh với tính nam).

Thuật ngữ giới tính được các nhà lý luận lý giải nội hàm nghĩa như sau:

Giới tính = giới (gender) + giống/phái/phái tính (sex). Vậy, **Nam giới = the male sex** (phái nam) + **masculinity** (tính nam/bản tính nam); **Nữ giới = the fair sex** (phái nữ) + **feminility** (tính nữ/bản tính nữ) (Dẫn theo TS. Nguyễn Thị Thanh Xuân). Chúng tôi đồng ý với cách lập luận này của Nguyễn Thị Thanh Xuân.

Quan niệm về giới thuộc loại xưa nhất xuất hiện trong *Kinh Thánh*: “Người đàn bà sinh ra từ chiếc xương sườn của người đàn ông” với lý giải rằng “Thượng đế sáng tạo ra thế giới trong vòng 7 ngày với đầy đủ sự vật, động vật, hiện tượng. Trong ngày thứ 7, Người nghĩ thêm ra một loài động vật mà Người cho là “sẽ hoàn hảo nhất trong các loài động vật”. Chàng Adam xuất hiện từ đó. Để tránh cho chàng Adam khỏi buồn bã nơi vườn Địa đàng, Thượng đế đã dùng một “cái xương sườn thừa của ông Adam” để tạo nên con người thứ hai là Eva làm bạn đồng hành.

Vấn đề giới đã được các nhà triết học, mỹ học xác quyết. Aristote đã tuyên bố hùng hồn rằng: “Đàn bà là đàn bà bởi một sự thiếu thốn nhất định về những phẩm chất”. Còn thánh Thomas Aquinas thì tin rằng “phụ nữ là một người đàn bà không hoàn hảo”.

Ở phương Đông, từ Khổng Tử cho đến những trí thức và dân chúng chịu ảnh hưởng quan niệm của Khổng Tử đều cho đàn bà là hạng người “khó dạy” (phụ nhân nan hóa). Đạo Khổng đã gán cho người phụ nữ những tính chất bất công: ngu dốt, thiếu năng lực và ý

chí tiến thủ. Tệ hơn nữa, Đạo Khổng và quan niệm phong kiến còn đề ra quan niệm bất bình đẳng về sự hiện hữu của họ: “Nữ nhân ngoại tộc”, “Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô”... Quyền của phụ nữ không được bình đẳng và coi trọng như đàn ông.

### **2.1.2. Ý thức về giới và sự xuất hiện phong trào nữ quyền**

Các nhà nữ quyền phơi bày ra tính khách quan, giả trá của khoa học nam giới. Theo đuổi lý tưởng của mình, những nhà nữ quyền cấp tiến “ngợi ca những thuộc tính sinh học của phụ nữ như những căn nguyên của thể hơn hơn là thể kém”. Lập luận này cho rằng “vì chỉ có đàn bà, đã trải qua những kinh nghiệm đời của phụ nữ một cách chuyên biệt (rụng trứng, kinh nguyệt, sinh đẻ), nên họ mới có thể nói về cuộc sống của một người đàn bà”.

Bàn về lý thuyết giới, có hẳn một tuyển tập tiểu luận về nữ quyền *Hình tượng về người phụ nữ trong tiểu thuyết* do Susan Cornillon biên soạn. Bên cạnh đó, lý thuyết phân tâm học của Lacan và Kristeva đã cung cấp một cái nhìn thuộc về tiến trình vô thức. Họ cho rằng “tính dục giống cái là cách mạng, lật đổ, dị chủng và mở rộng”. Định nghĩa này “từ chối định nghĩa tính dục giống cái; nếu có một nguyên lý giống cái, đơn giản là nó phải nằm bên ngoài định nghĩa của giống đực về giống cái”.

Quan niệm tiến bộ trong lý thuyết giới, phải kể đến nhà nữ quyền luận nổi tiếng thuộc làn sóng thứ nhất Virginia Woolf với tác phẩm *Căn phòng riêng* (1929). Lý thuyết về giới của bà dựa trên cơ sở phân tích về cách viết của phụ nữ. Nhờ Woolf mà “các tác giả nữ từ đó có được những quan niệm thoáng đạt về cách *suy nghĩ lùi* thông qua người mẹ, về ý kiến của đàn bà, về tinh thần song giới. Những tư tưởng đột phá của Woolf về giới ảnh hưởng đa dạng đến tư tưởng của các nhà nữ quyền về sau; mà tiêu biểu là S.de Beauvoir - người để lại cho chủ nghĩa nữ quyền một phổ hệ quan niệm phong phú về hình tượng và ý tưởng nữ quyền, đặc biệt là với định đề nổi tiếng: “*Người ta không sinh ra là phụ nữ, mà trở thành phụ nữ*” trong tác phẩm *Giới thứ hai*. Từ đó, những nhà nữ quyền Marxist đã cố gắng phát triển và liên hệ đến thực trạng kinh tế, xã hội luôn biến đổi với thực tế biến đổi quyền lực giữa những giới tính để bổ sung lý thuyết giới và lý thuyết nữ quyền cho đến ngày nay.

Về sau, nhiều người chú ý đến hiệu quả của sáng tác và phê bình văn học nữ quyền. Trong tiểu luận *Phê bình nữ quyền mới*, Annis Pratt đã tóm tắt bốn nhiệm vụ chính của phê bình nữ quyền:

1/ nhận thức lại những tác phẩm của các nhà văn nữ; 2/ “đánh giá” các phương diện hình thức của “văn bản”; 3/ hiểu được văn học đã phát hiện và thể hiện được những gì về nam giới và nữ giới trong những bối cảnh kinh tế - xã hội mà họ đang sống; 4/ diễn tả được “sự trình bày đầy tính hoang tưởng về mỗi cá nhân phụ nữ trong văn học”.

## **2.2. Lý thuyết giới, Lý thuyết nữ quyền, Phê bình văn học nữ quyền**

### **2.2.1. Lý thuyết giới, Lý thuyết nữ quyền**

Thuyết nữ quyền/ Chủ nghĩa nữ quyền được lý giải ở hai cấp độ rộng và hẹp khác nhau. Lý thuyết nữ quyền diễn ra trong thời gian lịch sử dài được các nhà nghiên cứu phân thành ba giai đoạn/làn sóng. Quaba làn sóng, lý thuyết nữ quyền phát triển vững chắc với 3 tác phẩm căn bản của từng giai đoạn: *Căn phòng riêng* (A Room of One's Own) của Virginia Woolf, *Giới thứ hai* (The Second Sex) của Simone deBeauvoir, *Sự thống trị của nam giới* (Masculine Domination) của Pierre Bourdieu.

Tác phẩm *Căn phòng riêng* của Woolf đánh dấu bước ngoặt mới về *quan niệm nữ quyền* nói chung và *quan niệm về phê bình văn học nữ quyền* nói riêng, đặc biệt là mối quan hệ giữa giới nữ và hiện tượng sáng tạo văn học nghệ thuật.

Tác phẩm *Giới thứ hai* của Beauvoir thực sự là tư tưởng cách mạng cho nữ quyền thế giới. Nó được xem như “Bản tuyên ngôn nữ quyền”, được “soi rọi dưới ánh sáng đa dạng các chiều kích: sinh lý học, phân tâm học, tâm lý học, xã hội học, kinh tế học, văn học, văn hóa học, chủ nghĩa duy vật lịch sử, thần thoại, tôn giáo...”

Tác phẩm *Sự thống trị của nam giới* của Bourdieu được xem là tác phẩm thuộc làn sóng thứ ba, ra đời vào những năm 90 thế kỷ XX. Ông thực hiện quá trình hệ thống hóa và giải hệ thống toàn bộ sức mạnh của tư tưởng nam quyền dưới góc nhìn xã hội học. Ông chỉ ra sự phi lý của cơ cấu xã hội, được tạo lập dựa trên sự thống trị tuyệt đối của đàn ông đối với phụ nữ, dẫn đến sự bất bình đẳng về nam nữ.

Như vậy, Lý thuyết nữ quyền là hệ thống lý thuyết được hình thành từ *lý thuyết giới* của các nhà lập thuyết tiên phong như trên đã tạo ra những tiền đề khoa học cho phong trào nữ quyền, cho các khuynh hướng, trường phái nghiên cứu nữ quyền về sau tiếp tục xuất hiện để đòi quyền bình đẳng cho nữ giới trong từng lĩnh vực cụ thể.

### **2.2.2. Phê bình văn học nữ quyền**

Từ hoạt động phong phú và hiệu quả của các phong trào nữ

quyền, lĩnh vực văn học đã vận dụng lý thuyết nữ quyền để hình thành phương pháp phê bình trong văn học. Phê bình nữ quyền, với tư cách là một khuynh hướng phê bình văn học, nó có nội dung, đối tượng, phạm vi tiếp cận và nghiên cứu riêng mà tiền đề của nó được khơi nguồn từ những hệ thống lý thuyết hữu quan. Theo Phương Lựu thì các nguồn ảnh hưởng đó bao gồm: *Chủ nghĩa giải cấu trúc, Chủ nghĩa hiện sinh, Mỹ học tiếp nhận, Phân tâm học, Chủ nghĩa Mác*. Những khái niệm và nội dung căn bản của các lý thuyết này được *Phê bình văn học nữ quyền* cụ thể hóa thành những nội dung, nguyên tắc và phương pháp luận cụ thể như sau:

- Quan tâm đến tính vật chất của thân thể, coi bản sắc giới chỉ như là một sự trình diễn, đồng thời có sự chuyển dần từ nghiên cứu phụ nữ đến sự mở rộng sang lý thuyết đồng tính và nghiên cứu lý thuyết lệch pha, chuyển giới.

- Từ thập niên cuối của thế kỷ XX, các nhà nữ quyền hậu cấu trúc, chịu ảnh hưởng lý thuyết của Foucault, Deleuze, Lacan, Kristeva và Cixous đã đưa ra lý thuyết về thân thể. Do đó, thân thể trở thành nội dung của phê bình văn học nữ quyền.

- Dựa trên quan điểm của Foucault, “phê bình văn học nữ quyền yêu cầu đọc các văn bản bằng cách xem chúng như là một bộ phận thuộc trường diễn ngôn cụ thể, góp phần vào quá trình sản xuất các mối quan hệ quyền lực đang tồn tại, bao gồm cả các diễn ngôn thống trị về những mô hình giới và bản năng tính dục”.

- Quá trình phát triển của phê bình nữ quyền trong văn học diễn biến phức tạp, nhưng theo giai đoạn với những nhiệm vụ và nội dung chính như sau: 1/ Phê bình về hình tượng người phụ nữ, 2/ Phê bình lấy phụ nữ làm trung tâm, 3/ Phê bình nhận diện, 4/ Những quan niệm về lối viết đặc thù nữ giới, 5/ Tự thuật - mô thức tự sự đặc thù của văn học nữ, 6/ Hình tượng người mẹ và suy nghĩ lùi về người mẹ, 7/ Bi kịch vỡ mộng và hình tượng người đàn ông bất toàn...

## **2.3. Ý thức về giới và nữ quyền trong văn học Việt Nam**

### **2.3.1. Ý thức về giới và nữ quyền trong văn học truyền thống**

Trong văn học truyền thống Việt Nam, hình ảnh người phụ nữ xuất hiện trong văn học dân gian, đặc biệt trong ca dao với vô vàn những hoàn cảnh, những vẻ đẹp và quan hệ. Nhưng có lẽ xa xưa nhất là trong huyền thoại - thể loại “khởi điểm của mọi khởi điểm”. Đó là hình ảnh ba người đàn bà (tam my) khởi nguyên: Mỵ Nương trong

*Sơn Tinh Thủy Tinh*, *My Châu* trong *My Châu Trọng Thủy*, và *My Nương* trong *Truong Chi*.

Tiếp theo, hình ảnh người phụ nữ được liên tục miêu tả trong văn học trung đại. Ở đó, hình ảnh người phụ nữ và thiên tính nữ của họ được soi chiếu từ góc nhìn liệt nữ mà khởi đầu là hình tượng nhân vật *My Ê* trong *Việt điện u linh* của Lý Tế Xuyên và cả *Lĩnh Nam chích quái*-tương truyền của Trần Thế Pháp. Đến đầu thế kỷ XV, văn học trung đại lại tiếp tục thể hiện hình ảnh người liệt nữ. Đó là hình tượng Lê thái hậu và Nguyễn thị trong tác phẩm *Nam Ông mộng lục* của Hồ Nguyên Trừng. Đến *Truyện kỳ mạn lục* của Nguyễn Dữ, nhân vật liệt nữ đã trở thành cái cớ để nhà văn nói lên những suy nghĩ ban đầu giữa lòng xã hội nam quyền về thân phận người phụ nữ...

Từ thế kỷ XIV đến thế kỷ XVI, có một sự tiếp nối, kế thừa khá đều đặn giữa bốn tác phẩm: *Việt điện u linh* (1329), *Nam Ông mộng lục* (1438), *Truyện kỳ mạn lục* (1527) và *Truyện kỳ tân phá* (?). Cả bốn tác phẩm này đều miêu tả hình tượng trung tâm là người phụ nữ với những vẻ đẹp nội tâm và hình thức khác nhau.

Tiếp nối mạch sáng tác về người phụ nữ, Đoàn Thị Điểm chú ý khắc họa người liệt nữ An Ấp ở khía cạnh đời thường trong *Truyện kỳ tân phá*, trong *Đại Nam liệt truyện* (tiền biên và chính biên).

Về thơ Nôm, bao gồm *thơ trữ tình* (thơ Nôm Đường luật, Hát nói, Ngâm khúc) và *thơ tự sự* (truyện thơ) cũng có đóng góp đáng kể về hình tượng người phụ nữ từ góc nhìn giới, đặc biệt là từ cuối thế kỷ XVII với *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. Bên cạnh kiệt tác *Truyện Kiều*, ta thấy có sự hiện diện các nhân vật nữ trong các tác phẩm *Chinh phụ ngâm*, *Cung oán ngâm*. Qua các tác phẩm này, hình tượng người phụ nữ với bản năng giới và khát vọng tình yêu, hạnh phúc hiện lên rõ nét và mới mẻ. Thơ của Hồ Xuân Hương thực sự là tiếng nói đòi quyền được yêu và quyền sống đời sống tính dục mãnh liệt nhất, được cất lên một cách dân chủ và có phần thách thức.

Tiếp theo là *Nhị độ mai* (truyện thơ Nôm khuyết danh) và *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu (nửa đầu thế kỷ XIX). Các nhân vật Hạnh Nguyên và Kiều Nguyệt Nga đều có những hành vi và sự lựa chọn đạo đức mang phẩm hạnh tốt đẹp trong những hoàn cảnh éo le và bất bình do xã hội và các thế lực hắc ám gây ra.

### **2.3.2. Ý thức về giới và nữ quyền trong văn học hiện đại**

Sang đầu thế kỷ XX, Việt Nam bắt đầu tiếp cận những tư

tương mới phương Tây, trong đó có nội dung, quan niệm mới về người phụ nữ. Ý thức phái tính và âm hưởng nữ quyền trong văn học nửa đầu thế kỷ XX đặt trong liên hệ với các hoạt động báo chí của Phan Bội Châu, Phan Khôi, Đạm Phương, Trần Thị Như Mân, Sương Nguyệt Anh, ...; còn trong văn học là vai trò của các cây bút nữ Đạm Phương, Anh Thơ, Mộng Tuyết, Ngân Giang... Cùng với đó là hiện tượng nữ giới công khai đăng đàn diễn thuyết, đấu tranh cho nữ quyền mà hậu thuẫn của vấn đề này là tờ *Nữ giới chung*, đặc biệt là Báo *Phụ nữ tân văn*. Nhân vật người phụ nữ tân thời trong Thơ mới, *Tự lực văn đoàn*, trong văn học hiện thực phê phán là biểu hiện hiển minh cho ý thức thể hiện quyền bình đẳng giới của các nhà văn, nhà thơ hiện đại.

Ý thức giới tính/ phái tính và âm hưởng nữ quyền trong văn học giai đoạn 1945-1975 lại vận động và thể hiện theo một hướng khác, phù hợp với nhu cầu và sự phát triển của đời sống cách mạng. Trong văn xuôi và thơ ca cách mạng, hình ảnh những người phụ nữ bằng xương bằng thịt hiện lên sinh động như chị Út Tịch (*Người Mẹ cầm súng*) của Nguyễn Thi, chị Sứ (*Hòn Đất*) của Anh Đức, Nguyệt (*Mảnh trăng cuối rừng*) của Nguyễn Minh Châu và nhiều nhân vật nữ tiêu biểu trong các tác phẩm khác là biểu hiện hùng hồn cho ý thức thể hiện địa vị và tầm vóc của người phụ nữ mới trong bão táp cách mạng.

Riêng trong văn học ở đô thị miền Nam 1954-1975, có sự xuất hiện của các nhà văn, nhà thơ nữ. Với sự ảnh hưởng của của Phân tâm học và phong trào hiện sinh chủ nghĩa, họ đặt ra vấn đề lựa chọn, giải phóng tính dục, đề cao người phụ nữ ở tâm hồn và thân xác, xóa bỏ mọi cấm kỵ. Về thơ, nhiều cây bút nữ xuất hiện cùng lúc, đã tạo nên luồng gió mới trong sinh hoạt văn chương... Thơ họ đề cao vai trò nữ tính, có nhu cầu khám phá sự phong phú của đời sống cá nhân phụ nữ từ những quan hệ bên trong đến quan hệ xã hội.

Từ 1975 đến nay, hình tượng người phụ nữ trong văn học của các thế hệ nhà văn, nhà thơ nữ được thể hiện khác, đặc biệt là các tác giả trẻ. Họ ý thức về giới nữ và quyền bình đẳng nữ giới cụ thể và lý tính hơn. Họ có cách cảm nhận và ý thức về vai trò, địa vị của mình trong cuộc sống hiện đại của thời bình một cách khác biệt. Giờ đây, thơ nữ trẻ đã làm nên một bước ngoặt mới trong cách nhìn nghệ thuật về phái tính và âm hưởng nữ quyền so với văn học nữ trước đó với nhiều tác giả, tác phẩm tiêu biểu.

### Chương 3.

## THƠ NỮ VIỆT NAM 1986-2015 NHÌN TỪ CHỦ ĐỀ GIỚI VỚI CÁC HƯỚNG TIẾP CẬN BẢN CHẤT

### 3.1. Bản chất giới nhìn từ bình diện sinh học

#### 3.1.1. *Ngôn ngữ của thân thể*

Văn học từ xưa đến nay đều thể hiện ngôn ngữ thân thể vừa có ý nghĩa thực vừa như những tín hiệu có ý nghĩa biểu trưng. Vẻ đẹp thân thể và dung mạo người phụ nữ được đề cao như là thiên tạo đặc biệt. Trước hết là *các bộ phận thân thể bên ngoài* được các nhà thơ thể hiện một cách có ý thức. Thơ nữ 1986-2015 thường phô diễn vẻ đẹp ngoại hình, những đường cong của thân thể như *môi, mắt, ngực, cánh tay, thân hình...* xem đó là những vẻ đẹp uyển chuyển, hấp dẫn. Với các nhà thơ nữ trẻ thời hiện đại, họ ý thức gia tăng miêu tả kiểu ngôn ngữ *thân thể, tính dục, nổi loạn* như một nhu cầu cân bằng và bù đắp cho kiểu ngôn ngữ *tự thuật, giải bày, ẩn dụ* trong thơ nữ trước đây. Các nhà phê bình cho rằng hình tượng nữ giới trong thơ/văn là *hình tượng - bộc lộ*, còn hình tượng nam giới trong thơ/văn là *hình tượng - biểu tượng*.

Từ vẻ đẹp hình thể bên ngoài đến những vẻ đẹp bên trong có tính sinh học, thơ nữ vươn lên thể hiện khát vọng sinh học khác, đó là *ước mong, khả năng và thiên chức làm mẹ*. Trải nghiệm làm mẹ không chỉ trong quan hệ với chồng mà còn chủ yếu là với con.

Thơ nữ sau 1986 chứng kiến sự lên ngôi của tình yêu và bản năng dục tính, bên cạnh đó, thơ nữ còn tự làm giàu cho mình bằng tình mẫu tử, tình vợ chồng, lòng nhân hậu, thủy chung, bao dung, che chở... kết tinh thành *thiên tính nữ* - một biểu hiện phái sinh cao đẹp khác của cấu trúc sinh học.

#### 3.1.2. *Thiên tính nữ vĩnh hằng*

Thiên tính nữ là thiên tính chỉ riêng có ở nữ giới, làm nên vẻ đẹp và chức năng đặc biệt của họ. Truy tìm thiên tính nữ trong thơ các nhà thơ nữ, ta thấy rằng, dù ý thức hay vô thức, trực tiếp hay gián tiếp, những nội dung liên quan đến *Nguyên lí tính Mẫu và Nữ tính vĩnh hằng* bàng bạc trong các hình tượng thơ, ngôn ngữ thơ.

Trong thơ nữ Việt Nam 1986-2015, những biểu hiện của *Nguyên lí tính Mẫu và Nữ tính vĩnh hằng* rất đa dạng, kết tinh thành vẻ đẹp lung linh, mang bản sắc và ý nghĩa văn hóa cao đẹp. Thiên tính nữ trong thơ nữ Việt Nam, mỗi thời mỗi khác. Thơ Lê Thu, Thúy Bắc, Phan Thị Thanh Nhàn, Lê Thị Mây... tiêu biểu cho khuynh hướng thời chiến.



Trong hòa bình, thiên tính nữ trong thơ các nhà thơ nữ trẻ như Vi Thùy Linh, Phan Huyền Thư, Lynh Bacardi... đa dạng như thuộc tính vốn có của nó. Tất cả tạo nên sự đa thanh thông qua diễn ngôn tình yêu hấp dẫn, giàu bản sắc nữ.

### **3.2. Bản thể giới nhìn từ chủ đề tình yêu**

#### **3.2.1. Khát khao yêu thương và dâng hiến**

Thơ nữ Việt Nam sau 1986 chứng kiến sự lên ngôi của ý thức phái tính, thể hiện khát vọng và nhu cầu khẳng định bản ngã nữ giới một cách chân thật. Nhìn từ lý thuyết giới và thiên tính nữ vĩnh hằng, tình yêu là chủ đề lớn, là khát vọng thường trực trong trái tim nữ giới. Từ thế hệ các nhà thơ nữ lớp trước trong chiến tranh đến các nữ sĩ thế hệ nối tiếp, rồi các nhà thơ sau hòa bình, kế tiếp là lớp nữ sĩ trẻ đều xem tình yêu là năng lượng lớn nhất của đời người.

Trong tình yêu, có nhu cầu tính dục và tâm linh. Đây là chủ đề được các nhà thơ nữ quan tâm. Nó là một phần của bản năng sinh học, vừa là nguồn sống vừa là dục năng nói theo nghĩa tốt đẹp của nó. Xem tình yêu là một mặt bản chất của thiên tính nữ, thơ nữ trẻ đương đại có tiếng nói mạnh mẽ hơn các nhà thơ nữ lớp trước. Đó là cái tôi trữ tình khát khao yêu thương và dâng hiến. Học công nhiên biểu hiện sức mạnh của tình yêu nữ giới theo cách riêng của thế hệ mình: bộc trực, có phần nổi loạn.

Bằng sự tinh tế và nhạy cảm của tâm hồn phụ nữ, các nhà thơ nữ đã thể hiện các quan hệ tình yêu thông qua đề tài đời tư - thế sự gần gũi mà khắt khe, day dứt. Những quan hệ cuộc sống xã hội đời thường hiện lên nhiều lúc bình dị, nhưng buốt nhức, đau đáu nỗi niềm nhân thế.

#### **3.2.2. Chấp nhận đau thương và ngang trái**

Hầu như trong thơ nữ Việt Nam hiện đại, trạng thái ly tan, bất ổn trong tình yêu là một đặc điểm làm nên sự bất bình đẳng giới mà các nhà thơ nữ muốn thể hiện để thấy được sự bất công và sự vô lý của chính mình và của cả chính người mình yêu.

Các nhà thơ nữ lớp trước bộc lộ nỗi buồn, sự thất vọng và niềm đau đớn vỡ trong thơ đầy rung cảm với những sắc thái khác nhau, từ oán trách, đợi chờ, hy vọng cho đến bao dung và độ lượng. Nâng tâm cảm xúc thêm một bậc, các nhà thơ nữ trẻ thế hệ 8X, 9X lại thể hiện cái tôi riêng theo cách của họ, có phần táo bạo hơn.

Giá trị thẩm mỹ của thơ không ngừng vận động và kết tinh thành những phẩm chất mới, phù hợp với hằng số tâm lý - hiện thực mới. Hình tượng cái tôi trữ tình trong thơ nữ Việt Nam 1986-2015

cũng diễn ra theo quy luật đó, nhưng với quan niệm nghệ thuật về con người theo cách riêng. Lịch sử, xã hội, văn hóa là cội nguồn của những khái quát nghệ thuật mang cảm thức giới biểu hiện ra thành những quan hệ gần gũi trong cuộc sống đời thường.

Cái tôi trữ tình thể hiện chủ đề tình yêu trong thơ nữ Việt Nam 1986-2015 luôn chân thật, cả niềm vui ngọt ngào lẫn trắc ẩn, trái ngang, đáng được đồng cảm và sẻ chia.

### **3.3. Ý thức giới nhìn từ lối viết nữ**

#### **3.3.1. Ý thức tự thuật và nữ quyền**

Nhà thơ nữ chính là nhân vật “trải nghiệm giới tính nữ”. Vì vậy, tự thuật là nhu cầu thôi thúc bên trong mà mỗi nhà thơ nữ muốn nói ra, muốn giải bày, trước hết cho chính mình, sau đó, cho mọi người cùng đồng cảm, sẻ chia.

Để thể hiện khát vọng cầm bút viết về chính mình, về sự bình đẳng giới tính, các nhà thơ, dù vô thức hay ý thức cũng đã hình thành cách viết, quan niệm viết riêng dưới áp lực của lịch sử, xã hội và văn hóa để hình thành diễn ngôn thi ca của từng chủ thể. Các nhà thơ nữ ở nhiều thế hệ khác nhau đều có cách thể hiện tiếng nói của thế hệ mình với những cá tính sáng tạo riêng.

Bên cạnh lối viết tự thuật truyền thống của các nhà thơ thế hệ lớp trước, cái mới của các nhà thơ lớp trẻ chính là ở cái nhìn nghệ thuật, biểu hiện khát vọng thành thật với những cảm xúc và cung bậc khác nhau thông qua những cấu trúc thơ khác lạ. Tiếng nói tự thú, tự vấn và tự biểu hiện phái tính hiện lên mạnh mẽ như một nhu cầu tự nhiên trước cuộc sống nhân sinh.

Có thể nói rằng nhu cầu cầm bút, nhu cầu thể hiện lối viết nữ của các nhà thơ đã đáp ứng chính tâm hồn họ và tâm hồn giới nữ ở những khía cạnh bản chất nhất, vừa hiện thực vừa nhân ái, vừa tự vấn, tự thoại vừa đối thoại... nhằm vươn lên chiếm lĩnh cuộc sống và hoàn thiện nhân cách.

#### **3.3.2. Nhu cầu hòa hợp và đối thoại**

Thơ nữ sau 1986 chủ yếu khai thác chủ đề tình yêu, qua tình yêu, người nữ tương tác với cuộc đời, mà cụ thể là tương tác trong mối quan hệ với người nam. Có thể nói, nhu cầu đối thoại với nam giới là một trong những nhu cầu thiết thực nhất của các nhà thơ nữ.

Nhu cầu đối thoại với mọi người trên tinh thần nữ quyền và nữ giới, đặc biệt là đối thoại với nam giới còn xuất phát từ một thực tế “bất tín” của nữ giới đối với nam giới. Bị kịch vỡ mộng gắn liền với “hình tượng người đàn ông bất toàn” mà trước đây họ từng tin

yêu, hy vọng, thì giờ đây hình như đã đổ vỡ. Từ đó, các nhà thơ nữ muốn lên tiếng đối thoại với nam giới về mọi mặt trong cuộc sống đời thường để tìm ra chân lý và giá trị Chân - Thiện - Mỹ vốn có.

Hoài nghi và bất tín về chính mình ở đây có một phần xuất phát từ tâm lý nữ giới. Họ muốn sẻ chia, hòa hợp trong sự dịu dàng nữ tính, trong sự curu mang, chở che và đùm bọc chồng con nên họ chấp nhận thiệt thòi, nhiều khi im lặng để bình yên gia đình và cuộc sống. Đó là sự tự đối thoại đầy nữ tính mà chỉ có giới nữ mới tự họ hiểu thấu đáo và cạn kiệt.

Ý thức giới ngày càng được khẳng định qua lối viết nữ là một minh chứng cho nhu cầu sáng tạo, nhu cầu tự thuật và đối thoại nữ quyền của thơ nữ Việt Nam 1986-2015.

#### **Chương 4.**

### **THƠ NỮ VIỆT NAM 1986-2015 NHÌN TỪ NỘI DUNG GIỚI VỚI CÁC QUAN HỆ TƯƠNG TÁC**

#### **4.1. Quan hệ tương tác với môi trường sinh thái**

##### **4.1.1. Những biểu hiện của cảm quan sinh thái**

Thơ nữ 1986-2015 thật sự mang đậm cảm quan sinh thái tự nhiên và nhân văn. Các nhà thơ nữ hầu như rất nhạy cảm với mọi diễn biến của môi trường chung quanh. Họ có đủ lý trí để phân biệt những tích cực và tiêu cực mà thiên nhiên và con người mang lại cho nhau trong từng kinh nghiệm sống.

Mỗi nhà thơ nữ đều có chung sự cảm nhận về môi trường sinh thái trong quan hệ tác động thuận chiều và nghịch chiều giữa nó với con người. Từ cái nhìn sinh thái đời thường, nhà thơ đã vươn lên thể hiện cái nhìn triết lý sinh thái, xem thiên nhiên là nơi che chở, nâng đỡ con người, hòa hợp với con người.

Các nhà thơ nữ đã thể hiện sâu sắc những suy tư của người phụ nữ về những vấn đề cấp bách của thời đại bên cạnh sự bút phá vươn lên chiếm lĩnh thiên nhiên trong tính hài hòa, hỗ tương nhau để tồn tại.

Với khát vọng thành thật thông qua sự tự ý thức mạnh mẽ của cái tôi cá nhân, các cây bút nữ đã làm nên cảm quan sinh thái tự nhiên và sinh thái nhân văn cao đẹp trong thơ giai đoạn này.

##### **4.1.2. Diễn ngôn sinh thái tự nhiên và nhân văn**

Thơ nữ Việt Nam 1986-2015 thể hiện được những khung hoàng đời sống thông qua diễn ngôn sinh thái tự nhiên và sinh thái xã hội - nhân văn bằng tiếng nói nghệ thuật đa dạng.

Vấn đề định giá chuẩn tắc đạo đức sinh thái thông qua mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên được các nhà thơ nữ thể hiện đa dạng trên cơ sở chỉ ra được các kiểu con người mới mẻ.

Ý thức *phục hưng tinh thần sinh thái từ quyền lực văn hóa* đã giúp các nhà thơ nữ kiến tạo nên quyền lực diễn ngôn sinh thái nhằm khai mở nhận thức mới cho con người, phù hợp với nền văn minh đương đại. Diễn ngôn ở đây, với một ý nghĩa triết mỹ nhất định, đã trở thành quyền lực liên văn bản, tạo thành những liên kết với tổng thể sống linh nghiệm trong vũ trụ.

Nhà thơ đã thấy được sự biện chứng giữa văn chương và thực tế tâm linh của con người trong tương quan với thiên nhiên mà giấc mơ và những cô mẫu khác nhiều lúc chính là chỗ trú ẩn, phục trang cho sự ngăn cản giữa con người với vũ trụ.

## **4.2. Quan hệ tương tác với bản sắc văn hóa**

### **4.2.1. Những biểu hiện của cảm thức văn hóa**

Lấy con người làm chủ thể ý thức trung tâm, thơ nữ sau 1986 đã phát huy tối đa khuynh hướng dân chủ hóa trong đời sống xã hội để nhận diện con người đời tư và thế sự trong tính tương tác và sinh thành. Mối quan hệ giữa văn học và văn hóa trong cuộc sống đời thường hiện lên với nhiều sắc thái và cung bậc.

Nhìn từ các quan hệ tương tác, thơ nữ Việt Nam 1986-2015 đã thực sự nói lên tiếng nói nữ giới thành thật, nhân văn, biểu hiện thành cảm thức văn hóa vừa mang tính truyền thống vừa mang tính hiện đại. *Tình mẫu tử* là một cô mẫu văn hóa đặc biệt, làm nên nguyên lý Mẹ thiêng liêng và Nữ tính vĩnh hằng được các nhà thơ quan tâm thể hiện.

Một biểu hiện khác của văn hóa trong thơ nữ là *bản năng tính dục và đời sống tâm linh*. Bản năng tính dục trở thành biểu hiện thường trực của văn hóa, thể hiện với nhiều dạng, nhiều sắc thái và nhiều cung bậc trong thơ nữ, nhất là ở các nhà thơ trẻ. Thơ nữ 1986-2015 nổi lên với hiện tượng các nhà thơ thể hiện tiếng nói yêu đương và những biểu hiện của dục tính gấp gáp, có phần bạo liệt.

Trong giai đoạn này, các nhà thơ nói nhiều về giấc mơ như là biểu hiện của đời sống tâm linh, thường trực và ám ảnh.

### **4.2.2. Diễn ngôn văn hóa truyền thống và hiện đại**

Suy cho cùng, mọi đối thoại và suy tư về cuộc sống cũng chính là đối thoại và suy tư về văn hóa. Nhà thơ đã tự mình nói lên tiếng nói thành thật bên trong và thơ ca là nơi lưu giữ để thành cảm thức và nội dung văn hóa.

Cách thể hiện các khía cạnh văn hóa trong cuộc sống của các nhà thơ nữ trẻ khác xa với quan niệm truyền thống, nhưng lại thành thật với chính mình. Đó là tiếng nói nữ quyền thời đại mới. Đối trọng và đối thoại với văn hóa truyền thống là sự xuất hiện và biểu hiện lối sống mới, nhiều khi xa lạ trong tiếp nhận của mọi người.

Diễn ngôn văn hóa truyền thống giờ đây được thay bằng diễn ngôn văn hóa hiện đại là phù hợp với thực tế cuộc sống mà các nhà thơ nữ đã mạnh dạn cất tiếng nói bằng thơ ca theo tinh thần của Phê bình văn học nữ quyền và Chủ nghĩa nữ quyền hiện đại phương Tây. Thơ nữ 1986-2015 xác lập ý thức văn hóa, sống và ứng xử có văn hóa chính là phản ánh tâm thức của cá nhân và cộng đồng trong một giai đoạn lịch sử cụ thể.

### **4.3. Quan hệ tương tác với thơ Việt Nam hiện đại**

#### **4.3.1. *Khái lược hành trình thơ Việt Nam hiện đại***

Thơ hiện đại Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến nay là một tiến trình thi ca có vận động, kế thừa và có biến đổi, cách tân để làm mới thể loại và làm mới cả nền thơ, dù mỗi giai đoạn có những hạn chế riêng của nó.

Thơ Việt Nam giai đoạn 1930-1945 diễn ra theo một xu hướng, tốc độ khác và chỉ trong một thời gian ngắn, nó đã làm được cuộc hiện đại hóa nhanh chóng và vững chắc do diễn ra tương ứng với bối cảnh lịch sử, xã hội và văn hóa giai đoạn 1930-1945.

Xuất phát từ bối cảnh lịch sử - xã hội mới, tư duy thơ Việt Nam 1945-1954 có sự thay đổi khá triệt để theo nhu cầu mới của cuộc sống cách mạng. Đối tượng trực tiếp của văn học bấy giờ là đời sống cách mạng mà chủ nhân sáng tạo ra nó là quần chúng Công - Nông - Binh. Cảm hứng sáng tạo của nhà thơ gắn với đời sống kháng chiến và kiến quốc của toàn dân tộc. Chủ đề, đề tài, ngôn ngữ, giọng điệu, thể loại, không gian, thời gian nghệ thuật đổi khác cho phù hợp với thực tế mới của cuộc sống kháng chiến.

Thơ giai đoạn 1954-1975 lại có bước chuyển mới, phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ mới của cách mạng. Con người hết mình vì tập thể trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và con người yêu nước, kiên cường chiến đấu trực tiếp ở miền Nam giai đoạn này là những hình tượng trung tâm của thời đại. Tính khuynh hướng, tính sử thi trong cuộc sống đã làm cho chủ đề, đề tài có sự tập trung, kết tinh ở chiều sâu; thể loại và ngôn ngữ thơ trở nên chất lọc và giàu sắc thái biểu cảm.

Thơ sau 1975 diễn ra trong cuộc sống thời bình. Con người đời tư - thể sự xuất hiện đã làm cho thơ sau 1975 ngày càng có sự thay đổi thi pháp thể loại và đạt thành tựu mới mẻ.

#### **4.3.2. Vị thế của thơ nữ 1986-2015 trong thơ Việt Nam hiện đại**

Trong diện mạo chung của thơ Việt Nam 1986-2015, thơ nữ chiếm vị trí quan trọng. Nhà thơ nữ xuất hiện ngày càng nhiều. Sự nổi tiếp và đồng hành của các thế hệ nhà thơ nữ đã tạo nên sự hợp lực đồng đảo và đa thanh; đồng thời cho thấy sự tự ý thức về giới tính mạnh mẽ của những người cầm bút thông qua lời viết nữ mới mẻ, đa thi pháp và giọng điệu.

Thơ nữ giai đoạn này mang cảm thức tự do và khát vọng thành thực trong việc thể hiện bản ngã với thế giới chung quanh. Bằng lối viết nữ mang cảm quan mới, họ thật sự khuấy lên không khí thi ca thấm đẫm tinh thần nữ quyền thông qua những chủ đề quen thuộc.

Thơ nữ Việt Nam 1986-2015 bày tỏ tình cảm, ước mơ, quyền lợi và khát vọng giới chính đáng của mình bằng tiếng nói trữ tình mạnh dạn, nồng nhiệt, có khi bạo liệt, nhưng đầy yêu thương, trách nhiệm. Qua đó, họ đã bước đầu thiết lập được lối viết nữ với những kiểu diễn ngôn đa dạng phù hợp với ý thức và quyền lực nữ giới riêng trong tiến trình thơ Việt Nam hiện đại, đem lại sự cân bằng thi pháp thể loại cho cả nền thơ.

Cùng với nền thơ chung, thơ nữ đã đồng hành và đóng góp thi pháp riêng, làm phong phú thêm ngôn ngữ thơ và giọng điệu thơ thông qua diễn ngôn dân chủ, bình đẳng, mang âm hưởng phá tính và nữ quyền sâu sắc với những tác giả có cá tính và phong cách riêng.

### **KẾT LUẬN**

1. Thơ nữ là tiếng lòng, là nỗi niềm thầm kín, là tâm tư và khát vọng của người phụ nữ, qua đó, họ tự bộc lộ mình một cách chân thành và gập gáp nhất về tình yêu, tình người cũng như những cung bậc tình cảm riêng tư khác chỉ có ở người phụ nữ. Đặc biệt, khi lí thuyết phê bình giới/ phê bình nữ quyền ra đời, tiếng nói của người phụ nữ lại càng được đề cao, chú trọng. Điều đó giúp các nhà thơ nữ ngày càng có ý thức sáng tạo và hình thành “lối viết nữ” mang bản sắc và phong cách riêng trong nền thơ hiện đại Việt Nam.

*Thơ nữ Việt Nam 1986-2015 nhìn từ lý thuyết giới* là đề tài có ý hướng tính mới mẻ, được chúng tôi quan tâm theo đuổi, nhưng không kém phần khó khăn, phức tạp vì sự đa dạng của quan niệm và lý thuyết. Chúng tôi xem đây là một hướng nghiên cứu bên cạnh

những hướng nghiên cứu khác nhằm góp phần chỉ ra những giá trị mới và giá trị bổ sung, làm đầy nghĩa cho thơ nữ ở những bình diện tương ứng với bản chất của thơ nữ nhìn từ lý thuyết nữ giới, lý thuyết nữ quyền và phê bình văn học nữ quyền.

Phê bình văn học nữ quyền là một học thuyết dung chứa trong nó nhiều phương pháp mang tính tri thức liên ngành khác nhau. Trong nghiên cứu văn học, mặc dù hướng nghiên cứu phê bình này chưa trở thành một hệ thống ổn định và thống nhất, nhưng không ai có thể phủ nhận sức ảnh hưởng đặc biệt của nó trong nghiên cứu văn học trên thế giới qua các giai đoạn, thời kỳ. Vận dụng hướng đi mới mẻ này, chúng tôi xem xét vấn đề nữ quyền trong thơ nữ 1986-2015 trên cơ sở phóng chiếu lý thuyết giới và lý thuyết phê bình văn học nữ quyền vào những nội dung tương ứng của thơ nữ để chỉ ra giá trị hiện thực, giá trị nhân văn, giá trị triết mỹ và phương thức thể hiện đặc thù của chúng trong một giai đoạn quan trọng của tiến trình thơ hiện đại Việt Nam.

2. Tiếp nhận, tiếp biến lý thuyết giới, lý thuyết nữ quyền trên thế giới vào nghiên cứu văn học đã có thành tựu từ lâu. Ở Việt Nam, dù các lý thuyết này xuất hiện sớm trong sáng tạo và nghiên cứu văn học - từ những thập niên đầu thế kỷ XX, nhưng chỉ dừng lại ở cấp độ sơ khai. Mãi đến những thập niên cuối thế kỷ XX và nhất là những thập niên đầu thế kỷ XXI, nó mới được quan tâm thích đáng, trở thành nhu cầu và đối tượng vận dụng có chủ đích sáng rõ ở các nhà sáng tác văn học và các nhà nghiên cứu phê bình văn học. Tuy vậy, những công trình nghiên cứu có tính tổng hợp từng chủ đề liên quan về mặt lý thuyết và chuyên sâu về *chủ nghĩa nữ quyền* và *phê bình văn học nữ quyền* vẫn còn thiếu tính hệ thống, diễn ra không đồng đều ở các bình diện: dịch thuật lý thuyết, nghiên cứu lý thuyết lẫn ứng dụng nghiên cứu thể loại. Những công trình của các nhà lập thuyết về giới và nữ quyền trên thế giới chưa được dịch và giới thiệu đồng bộ sang Việt ngữ, mà chỉ tập trung một số tác giả quen thuộc như Virginia Woolf, Simone de Beauvoir và một vài gương mặt tiêu biểu khác. Chính thực tế này cũng có ảnh hưởng không ít đến kết quả nghiên cứu chuyên sâu và toàn diện về lý thuyết giới, lý thuyết nữ quyền ở Việt Nam. Hiện tại, các nhà nghiên cứu văn học ở nước ta tích cực làm đầy những khoảng trống đó để thúc đẩy việc sáng tác văn học và phê bình văn học theo tinh thần của lý thuyết giới và phê bình văn học nữ quyền được đa dạng và chuẩn mực hơn.

Vấn đề giới và nữ quyền từ bình diện sinh học đến bình diện văn hóa - xã hội và lan sang địa hạt văn học xuất hiện khá sớm và

liên tục ở phương Tây, tạo thành các phong trào, các làn sóng nữ quyền mạnh mẽ và tích cực cho đến thời hiện đại. Cũng từ đó, nhu cầu của chính giới nữ trong việc tự đấu tranh cho quyền lợi của mình thông qua hoạt động sáng tác văn học và phê bình văn học được chú trọng. Mục tiêu của những hoạt động này là phê phán các văn bản đề cao nam giới để từ đó đề ra lý luận nhận thức đúng đắn nhằm bảo vệ quyền lợi vật chất và tinh thần của nữ giới. Chủ nghĩa nữ quyền và phê bình văn học nữ quyền, phê bình văn học sinh thái nữ quyền, từ đó, dần dần xuất hiện và trở thành vấn đề toàn cầu, trong đó, có Việt Nam. Dù ý thức về giới/ phái tính và đấu tranh nữ quyền ở Việt Nam diễn ra muộn vì nhiều lý do chủ quan và khách quan, nhưng từ xa xưa trong lịch sử và truyền thống, những mầm mống của quyền phụ nữ đã biểu hiện rõ trong văn học dân gian, văn học trung đại qua các giai đoạn với các hình thái khác nhau từ sơ khai đến sâu sắc; với những sắc điệu, những khía cạnh mang phẩm tính nữ quyền khác nhau. Đến thời hiện đại, vấn đề trên trở thành hiện thực mạnh mẽ trong đời sống và trong văn học mà thơ ca nữ là một hình thái ý thức thẩm mỹ, nhân văn mới mẽ được bạn đọc quan tâm.

3. Nhìn từ phương diện nội dung phản ánh, đóng góp của *Thơ nữ Việt Nam 1986 -2015 nhìn từ lý thuyết giới* là sự đổi mới nhận thức về cái tôi cá nhân, bộc lộ qua sự đa dạng của nội dung trữ tình của nhà thơ: Tình yêu và khát vọng, hôn nhân và gia đình, bản năng và tâm linh. Qua hệ đề tài phong phú đó, tiếng nói của cái tôi trữ tình nữ giới được bộc lộ. Đó là cái tôi nữ giới luôn khát khao giao cảm với cuộc đời; cái tôi đầy bản năng và đam mê bản thể, có cả cái tôi với nỗi niềm trăn trở về đời tư, thể sự đang muốn vươn lên khẳng định bản ngã, thể hiện tình mẫu tử và thiên tính nữ vĩnh hằng. Tất cả những nội dung đó được kết tinh thành các chủ đề giới với các hướng tiếp cận bản chất, trước hết là nhìn từ bình diện sinh học, kể đến là bình diện văn hóa - xã hội, trong đó, bình diện ý thức giới nhìn từ “lời viết nữ” là điều kiện quan trọng đầu tiên để thơ của các nhà thơ nữ hiện đại có dịp thăng hoa, cất cánh bằng ngôn từ, hình tượng mới mẻ, đa dạng, mang đậm ý thức phái tính và âm hưởng nữ quyền thời hiện đại.

Từ sau Đổi mới (1986), các nhà thơ nữ có nhu cầu được thể hiện chính cái tôi bên trong, cái tôi chiều sâu bản thể nữ tính của mình và chiều sâu cuộc sống nhân sinh một cách chân thật và nhân văn. Nền thơ Việt Nam 1986-2015, ngày càng xuất hiện nhiều tác giả nữ, đặc biệt là tác giả trẻ. Trong thơ họ, hình tượng người phụ nữ hiện lên sinh động, đa dạng, biểu hiện thành những cung bậc tình



cảm, tâm trạng; những sắc thái, tính chất, hành động và tâm lý khác nhau. Họ trực tiếp bày tỏ tình cảm, ước mơ, quyền lợi và khát vọng giới chính đáng của mình bằng tiếng nói trữ tình mạnh mẽ, nồng nhiệt, có khi bạo liệt, nhưng cũng đầy yêu thương, trách nhiệm với mình và với đời. Họ có nhu cầu thể hiện “cái Khác” thông qua diễn ngôn giới mang đậm tính chiêm nghiệm và triết lý mới mẻ, đa dạng hơn thơ nữ giai đoạn trước 1986. Qua đó, họ xác lập bản thể nữ trước mọi quan hệ và kiến tạo cái nhìn thế giới thông qua lối viết nữ, nhân quan nữ, diễn ngôn nữ đầy dân chủ và tự trọng.

4. Qua sự đa dạng của nội dung trữ tình ấy, thơ nữ giai đoạn này có những phương thức thể hiện mang sắc thái nữ quyền rất rõ nét. Họ xây dựng một hệ thống biểu tượng, ngôn ngữ, giọng điệu riêng, đó là con đường đề kháng định tiếng nói riêng, phong cách riêng của mỗi nghệ sĩ. Ngôn ngữ trong thơ họ mang tính tự thuật, giải bày tâm tư, tình cảm và khát vọng đa dạng, mang đậm bản chất “giới”, tạo nên dấu ấn và cá tính sáng tạo riêng. Giọng điệu thơ phong phú và đặc sắc cũng là một yếu tố không nhỏ trong việc góp thêm tiếng nói kháng định nữ quyền thành thật, mới mẻ trong thơ của các nhà thơ nữ, tự nó không giới hạn ở phạm vi nào về hình thức và nội dung. Nó mở ra khả năng sáng tạo mới về hình thức biểu hiện và kiểu tư duy.

5. Thơ nữ Việt Nam 1986-2015 đặt trong các quan hệ tương tác bản chất sẽ làm tỏ lộ nhiều ý nghĩa và giá trị nội quan và ngoại quan mới mẻ, vừa có tính thời sự - thời đại vừa kết tinh ở văn hóa truyền thống để hình thành diễn ngôn văn hóa mới trong thời bình, giúp cho nội dung thơ nữ bổ sung được nhiều phẩm chất tư tưởng, trong đó, có tư tưởng nữ quyền và ý thức phái tính mang cảm quan văn hóa và nhân văn tốt đẹp. Nhìn từ quan hệ với môi trường sinh thái, thơ nữ đã thực sự có tiếng nói đạo đức và tinh thần cao đẹp, thể hiện cảm quan sinh thái đầy trách nhiệm với thiên nhiên, vạn vật, làm hiện lên những thông điệp và đối thoại mới của nhà thơ với môi sinh thông qua diễn ngôn giới nữ đầy trách nhiệm, mang tinh thần đối thoại bình đẳng và dân chủ. Nhìn từ quan hệ với bản sắc văn hóa, thơ nữ cũng đã thể hiện cảm thức tìm về cội nguồn và làm sống lại những trầm tích văn hóa, những thiên tính nữ cao đẹp của giới nữ bên cạnh những phong tục, những vẻ đẹp cội nguồn về tình yêu và sự sống; từ đó, làm đầy những giá trị văn hóa truyền thống và hiện đại cho thơ. Nhìn từ quan hệ với thơ Việt Nam hiện đại, thơ nữ đã đồng hành và bổ sung những phẩm chất mới mẻ từ góc nhìn thiên tính nữ. Thơ nữ giai đoạn này đã thực sự cách tân và thể hiện được muôn vàn

cảm xúc và tâm trạng theo đặc trưng giới nữ, tạo ra những diễn ngôn có ý hướng cho từng đối tượng khách thể, mang lại vẻ đẹp chính thể cho từng thi phẩm và cho cả nền thơ. Địa vị của thơ nữ 1986-2015 được hiện diện như là sự cân bằng thi pháp giữa chất thơ nam và chất thơ nữ, phản ánh sự vận động và phát triển hài hòa cho cả nền thơ để làm nên chất thơ giàu ý thức phái tính và tinh thần nữ quyền thời hiện đại.

6. *Thơ nữ Việt Nam 1986-2015 nhìn từ lý thuyết giới*, dù vậy, cũng không tránh khỏi những hạn chế và khiếm khuyết. Việc thể hiện bản năng giới, nhiều lúc, vượt quá ngưỡng tiếp nhận của bạn đọc, cả bạn đọc nữ. Bên cạnh đó, một số tác giả trẻ có những biểu hiện thái quá các trạng huống khát khao tính dục hoặc “chênh vênh”, “bồ bã” trong cách nhìn và cách thể hiện những vấn đề liên quan đến con người và cuộc sống. Vì thế, vẫn còn những hạn chế nhất định trong việc thể hiện cảm thức nữ quyền theo tâm đón nhận hiện nay của công chúng, chưa kể, các nhà thơ trẻ dùng ngôn ngữ thân thể quá bạo liệt, nhiều lúc gây phản cảm, giảm giá trị mỹ học, có lúc, họ biến ngôn ngữ thành trò chơi cắt dán, lắp ghép làm cho những diễn ngôn bình dị đời thường thành những diễn ngôn phức tạp, xa lạ, rối rắm, vượt ngưỡng giới hạn ngữ nghĩa thông thường, khách quan của đối tượng.

Những hạn chế trên kéo theo những quan niệm không đáng có xuất hiện trong thơ của nhiều nhà thơ nữ, đó là nhiều lúc “họ phơi bày cái tôi ích kỷ, cách biệt và đối lập với cộng đồng, cái tôi tự vuốt ve mình, cái tôi xéo lên mọi giá trị đạo đức, cái tôi tàn bạo thấp hèn mất hết tính người, cái tôi chỉ đòi hưởng thụ vật chất, bất cần đến công hiến, đến giá trị. Họ tự vỗ ngực, đó là khám phá táo bạo, đó là lạ!...”

7. Vận dụng lý thuyết giới và lý thuyết nữ quyền vào nghiên cứu văn học nói chung và thơ nữ nói riêng tuy không còn mới trên thế giới, nhưng ở nước ta được xem như ở mốc khởi động mạnh mẽ, sẽ tiếp tục gợi mở nhiều triển vọng trong việc đổi mới cách quan niệm nghệ thuật về con người, về ngôn ngữ và các yếu tố nghệ thuật khác, nhằm chứng minh sự phát triển và hội nhập của thơ nữ Việt Nam vào tiến trình chung của thơ nữ quốc tế, mở ra thời kỳ hiện đại, hậu hiện đại cho nền thơ Việt trong hiện tại và tương lai. Đó cũng chính là hướng mở cho những ai quan tâm đến đề tài thơ nữ có cơ hội tiếp cận và nghiên cứu bổ sung, chỉ ra những đặc điểm thi pháp đa dạng khác nhìn từ lý thuyết giới và phê bình văn học nữ quyền hiện đại.

## DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ CÔNG BỐ

1. Hồ Tiểu Ngọc (2017), “Lý thuyết giới và vận dụng lý thuyết giới trong nghiên cứu, phê bình văn học Việt Nam”, in trong sách *Văn học Việt Nam ba mươi năm đổi mới (1986-2015) - Sáng tạo và tiếp nhận*, Nxb Văn học, Hà Nội, tr.146-164.
2. Hồ Tiểu Ngọc (2018), “Chất thơ của một hồn thơ khát khao dâng hiến”, in trong Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc gia: *Phật giáo và văn học Bình Định*, tập 2, Nxb Khoa học Xã hội, Tp Hồ Chí Minh, tr.761-780.
3. Hồ Tiểu Ngọc (2018), “Hệ hình thơ Việt nhìn từ lý thuyết”, Tạp chí *Khoa học và công nghệ*, Trường Đại học Khoa học Huế, tập 12, số 3, tr.45-56.
4. Hồ Tiểu Ngọc (2019), “Thơ nữ Việt Nam từ Đổi mới đến nay nhìn từ cảm quan và diễn ngôn sinh thái”, Tạp chí *Lý luận Phê bình Văn học- Nghệ thuật*, số 6, tr.82-91.
5. Hồ Tiểu Ngọc (2019), “Hình tượng cái tôi trữ tình trong thơ nữ Việt Nam giai đoạn 1986-2015”, Tạp chí *Khoa học*, Đại học Huế, tập 128, số 6C, tr.05-18.
6. Hồ Tiểu Ngọc (2019), “Cảm thức văn hóa trong thơ nữ Việt Nam hiện đại”, Tạp chí *Sông Hương*, số 366 (8), tr.85-90.
7. Hồ Tiểu Ngọc (2019), “Diễn ngôn thân thể trong thơ nữ đương đại Việt Nam”, in trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: *Văn học và Giới*, Nxb Đại học Huế, Huế, tr.466-474.
8. Hồ Tiểu Ngọc (2019), “Diễn ngôn văn hóa trong thơ nữ Việt Nam từ đổi mới (1986) đến nay”, Tạp chí *Tri thức Phú Yên*, số 66, (10), tr. 23-27.
9. Hồ Tiểu Ngọc (2019), “Vẻ đẹp của tình mẫu tử trong thơ nữ hiện đại Việt Nam”, Tạp chí *Văn nghệ Tiền Giang*, Xuân Canh Tý, 2020, tr. 79-85.